

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/KDTM-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng
thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tự

2. Bà Trịnh Thị Phương Châm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 334/2020/TLST-KDTM ngày 18/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3206/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 17/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 4156/2022/QĐST-KDTM ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH TM H.

Địa chỉ: Số 2/28 Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Điền Minh N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 26A đường N, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số: 01/UQ-2020 ngày 14/12/2020.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Q.

Địa chỉ: 185 đường T, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Công G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Lô 16B1 đường V, phường V, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Văn bản ủy quyền không số đề ngày 10/5/2021.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Công ty TNHH TM H có ông Điền Minh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH TM H (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Q (Sau đây gọi tắt là bị đơn) đã ký Hợp đồng kinh tế số: 07/2017/HĐ/HP-QP ngày 07/8/2017 với nội dung thi công các hạng mục: 1. Gia công lắp đặt lan can kính cường lực (kính cong). 2. Gia công lắp đặt kính cường lực (kính thẳng). 3. Gia công lắp đặt lan can sắt. Tổng giá trị hợp đồng là: 863.500.000 (Tám trăm sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời gian thi công là: 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được tạm ứng lần 1.

Ngày 24/5/2018 hai bên xác định khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng là: 849.365.000 (Tám trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng do có phát sinh giảm 14.135.000 (Mười bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Ngày 25/5/2018 hai bên ký kết bản tính giá trị và đề nghị quyết toán thì tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là: 572.700.000 (Năm trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng, số tiền còn thiếu là: 276.665.000 (Hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng. Nguyên đơn đã đề nghị thanh toán nhiều lần nhưng bị đơn xin gia hạn thanh toán và cam kết sẽ thanh toán trong quý 4/2019. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở, bị đơn mới thanh toán thêm được số tiền: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng ngày 14/10/2019 và 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng ngày 20/10/2020. Hiện nay bị đơn còn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn thiếu là: 319.499.010 (Ba trăm mười chín triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn không trăm mười) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng; Nợ lãi theo Điều 306 Luật thương mại tạm tính từ ngày 25/5/2018 đến ngày 29/7/2022 là: 110.834.010 (Một trăm mười triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười) đồng.

- Ông Nguyễn Hồ Q là đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày trong bản tự khai:

Hiện bị đơn hoàn toàn đồng ý với phát sinh các vấn đề tại Hợp đồng kinh tế nói trên. cam kết trả nợ đầy đủ sau khi Công ty H cung cấp đầy đủ các hồ sơ chứng từ cho Hợp đồng trên để Công ty Q kiểm tra xem xét:

Chứng từ kế toán (Hóa đơn, biên bản nghiệm thu, đối chiếu công nợ, thanh lý hợp đồng, sổ chi tiết công nợ đến ngày 31/12/2021).

Đề nghị kế toán Công ty H liên hệ với kế toán Công ty Q để cung cấp đầy đủ chứng từ trên trước ngày 10/5/2022.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên các ý kiến ông Nguyễn Hồ Q đã trình bày tại bản khai ngày 04/5/2022 tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử còn chậm, vi phạm Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, kiến nghị Tòa án nhân dân Quận 1 lưu ý về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Công ty TNHH TM H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Q trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số: 07/2017/HĐ/HP-QP ngày 07/8/2017. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn - Công ty TNHH Q có trụ sở chính tại Quận 1 nên căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Xét, nguyên đơn và bị đơn đã có thỏa thuận về thi công các hạng mục: 1. Gia công lắp đặt lan can kính cường lực (kính cong). 2. Gia công lắp đặt kính cường lực (kính thẳng). 3. Gia công lắp đặt lan can sắt. Tổng giá trị hợp đồng là: 863.500.000 (Tám trăm sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngày 24/5/2018 nguyên đơn lập Biên bản nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành công trình nhưng bị đơn không ký xác nhận.

Ngày 25/5/2018 hai bên ký kết bảng tính giá trị đề nghị quyết toán xác định khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng là: 849.365.000 (Tám trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng do có phát sinh giảm 14.135.000 (Mười bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là: 572.700.000 (Năm trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng, số tiền còn thiếu là: 276.665.000 (Hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn đã có công văn số: 15/2019/TB/HP-QP ngày 15/7/2019 đề nghị thanh toán số tiền còn thiếu là: 276.665.000 (Hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng. Ngày 16/7/2019, bị đơn có công văn phúc đáp số: 1092/CV/2019 (V/v Thanh toán hạng mục thi công) cam kết sẽ sắp xếp tài chính giải quyết dứt điểm công nợ với nguyên đơn trong quý 4/2019. Cụ thể, bị đơn xin thanh toán thành 03 (Ba) đợt; Đợt 1 vào ngày 30/9/2019; Đợt 2 vào ngày 20/10/2019 và còn lại thanh toán ngày 30/11/2019. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở, bị đơn mới thanh toán thêm được số tiền: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng ngày 14/10/2019 và 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng ngày 20/10/2020. Hiện nay bị đơn còn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn như sau:

Hóa đơn GTGT số: 0000056 ngày 09/8/2017: 157.000.000 đồng.

Hóa đơn GTGT số: 0000058 ngày 09/01/2018: 90.909.091 đồng.

Hóa đơn GTGT số: 0000059 ngày 31/01/2018: 181.818.182 đồng.

Hóa đơn GTGT số: 0000062 ngày 17/4/2018: 90.909.091 đồng.

Hóa đơn GTGT số: 0000064 ngày 09/7/2018: 251.513.637 đồng.

(Những giá trị trên 05 (Năm) hóa đơn trên chưa cộng tiền thuế giá trị gia tăng 10%).

Bị đơn trình bày chưa nhận được những hóa đơn GTGT nêu trên nhưng căn cứ kết quả xác minh tại Chi cục Thuế Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo công văn số: 21773/CCTQ1-KK-KTT-TH ngày 18/4/2022:

Hóa đơn GTGT số: 0000056 ngày 09/8/2017 được bị đơn kê khai thuế vào bảng kê hóa đơn, dịch vụ mua vào quý 3/2017.

Hóa đơn GTGT số: 0000062 ngày 17/4/2018 được bị đơn kê khai thuế vào bảng kê hóa đơn, dịch vụ mua vào quý 2/2018.

Hóa đơn GTGT số: 0000058 ngày 09/01/2018; Hóa đơn GTGT số: 0000059 ngày 31/01/2018; Hóa đơn GTGT số: 0000064 ngày 09/7/2018 được bị đơn kê khai thuế vào bảng kê hóa đơn, dịch vụ mua vào quý 3/2018.

Từ các nhận định nêu trên có cơ sở cho thấy nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Xét thấy, nguyên đơn đã thực hiện việc thi công đúng như thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng kinh tế số: 07/2017/HĐ/HP-QP ngày 07/8/2017. Nguyên đơn đã xuất Hóa đơn GTGT số: 0000056 ngày 09/8/2017; Hóa đơn GTGT số: 0000058 ngày 09/01/2018; Hóa đơn GTGT số: 0000059 ngày 31/01/2018; Hóa đơn GTGT số: 0000062 ngày 17/4/2018; Hóa đơn GTGT số: 0000064 ngày 09/7/2018 nhưng bị đơn mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán, số tiền còn lại chưa thanh toán là: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng cho nguyên đơn.

Căn cứ khoản 7 Điều 146 Luật Xây dựng thì việc bị đơn không thanh toán số tiền: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng sẽ phải chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên trong hợp đồng do hai bên không thỏa thuận về lãi suất, do đó căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị đơn phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn là: 150% /năm. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền bị đơn còn thiếu theo mức lãi suất căn cứ Công văn số: 2358/HCM-TH ngày 16/3/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số: 1010/CNTPHCM-KHTH V/v Thông tin lãi suất nợ quá hạn VNĐ tại NHTMCPCTVN-CNTP.HCM ngày 16/3/2022 của V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo lãi suất cho vay nội, ngoại tệ của Ngân hàng A - Chi nhánh Thành Đô. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày thanh toán dứt điểm số tiền còn thiếu từ ngày 25/5/2018 đến ngày 29/7/2022 là: 110.834.010 (Một trăm mười triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười) đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Cách tính và thời gian tính lãi phù hợp Điều 306 Luật Thương mại nên có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày nguyên đơn có đơn xin thi hành án cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

[3] Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù nguyên đơn đã thi công đúng như thỏa thuận các bên nhưng bị đơn đã chậm thanh toán tiền nợ gốc còn thiếu từ ngày 25/5/2018 đến nay và đối chiếu quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn là: 319.499.010 (Ba trăm mười chín triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn không trăm mười) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám

triệu sáu trăm sáu mươi năm nghìn) đồng; Nợ lãi theo Điều 306 Luật thương mại tạm tính từ ngày 25/5/2018 đến ngày 29/7/2022 là: 110.834.010 (Một trăm mười triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự;

- Căn cứ Điều 301, Điều 306 Luật thương mại;

- Căn cứ Điều 117, Điều 130, Điều 138, Điều 144, điều 146 Luật xây dựng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số : 04/2017/NQ-HĐTP hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 05 tháng 5 năm 2017;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TM H: Buộc Công ty TNHH Q phải thanh toán cho Công ty TNHH TM H số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số: 07/2017/HĐ/HP-QP ngày 07/8/2017; Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán ngày 25/5/2018 tổng số tiền là: 319.499.010 (Ba trăm mười chín triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn không trăm mười) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 208.665.000 (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng; Nợ lãi theo Điều 306 Luật thương mại tạm tính từ ngày 25/5/2018 đến ngày 29/7/2022 là: 110.834.010 (Một trăm mười triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH TM H có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền Công ty TNHH Q phải trả cho Công ty TNHH TM H) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Q phải chịu án phí là: 15.974.950 (Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH TM H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 7.256.036 (Bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0029971, ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Diệu Linh